TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 171/2021/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 17 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 176/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Tòng Thị K, sinh năm 1991. NĐKHKTT: Bản B, T, xã M, B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Quàng Văn S, sinh năm 1993. NĐKHKTT: Bản C, xã M, B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 9 tháng 9 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 9 tháng 9 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tòng Thị K và anh Quàng Văn S.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a.Về tình cảm: Chị Tòng Thị K và anh Quàng Văn S nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị K và anh S có 02 con chung là cháu Quàng Văn Tiến Đạt, sinh ngày 26/12/2011 và cháu Quàng Văn Chí Công, sinh ngày 12/7/2013 anh chị thỏa thuận, thống nhất. Sau khi ly hôn chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cả hai cháu Đạt và Công cho tới khi hai cháu cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K do chị K không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh S được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh S thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị K và anh S đều xác nhận không có tài sản chung. Nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

d. Về nợ chung của vợ chồng: Chị K, anh S đều xác nhận không có nợ chung. Nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

đ. Về án phí: Chị K nhận chịu nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào S tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu S AA/2019/0003142 ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Chị K được nhận lại S tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) đồng chẵn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tráng A Tếnh